



CÔNG TY CỔ PHẦN
PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Số: 20/2022/CBTT-PAC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 20 tháng 02 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Tên tổ chức công bố thông tin:

- CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM
- Địa chỉ trụ sở chính: KCN Tăng Loỏng, TT Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai
- Điện thoại: 038.999.5673 Fax:
- Mã chứng khoán:
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Đặng Tiến Đức - Giám đốc Công ty
- Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

II. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 của Công ty cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam.

Công ty cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam thông báo để các cổ đông được biết.

Thông tin được công bố trên website của công ty <https://pacvietnam.vn/> vào ngày 20/02/2023.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC

Đặng Tiến Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÓT PHO APATIT VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÓT PHO APATIT VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÓT PHO APATIT VIỆT NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp Số 5300656602 ngày 13 tháng 1 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp lần đầu vào ngày 13 tháng 1 năm 2014. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ 5) được cấp vào ngày 18 tháng 9 năm 2018.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Đầu tư

Số 2486541018 ngày 21 tháng 6 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 12121000445 do Ủy Ban nhân dân Tỉnh Lào Cai cấp ngày 23 tháng 10 năm 2014 được thay thế bởi Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 2486541018 do Ban Quản Lý Khu kinh tế cấp lần đầu vào ngày 21 tháng 6 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư thay đổi gần nhất (lần thứ 5) được cấp vào ngày 10 tháng 9 năm 2021.

Hội đồng Quản trị

Ông Đào Hữu Huyền	Chủ tịch
Ông Đào Hữu Duy Anh	Thành viên
Ông Phạm Văn Hùng	Thành viên
Ông Đặng Tiến Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Bích	Trưởng ban
Ông Trần Văn Cương	Thành viên
Ông Phó Đức Tùng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đặng Tiến Đức	Giám đốc
Ông Nguyễn Hùng Cường	Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Đặng Tiến Đức	Giám đốc
-------------------	----------

Trụ sở chính

Lô KTB – 01, B28 Khu công nghiệp Tầng Loong, thị trấn Tầng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn báo cáo tài chính

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 32. Báo cáo tài chính này thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Đặng Tiến Đức
Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật

Lào Cai, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 20 tháng 02 năm 2023



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
GỬI CÁC CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT
VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phốt Pho Apatit Việt Nam (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2022 và được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 20 tháng 02 năm 2023. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

*Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội
Tầng 16, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Lô E6, Khu đô thị Cầu Giấy, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm,
Hà Nội, Việt Nam
ĐT: +84 24 3946 2246, www.pwc.com/vn*



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội



Trần Hồng Kiên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:
0298-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Phạm Tuấn Anh
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:
4666-2023-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 3232
Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		787.896.543.506	582.123.148.786
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	203.163.595.618	49.420.648.588
111	Tiền		6.163.595.618	49.420.648.588
112	Các khoản tương đương tiền		197.000.000.000	-
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		353.000.000.000	240.000.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	353.000.000.000	240.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		159.750.841.279	157.334.683.110
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	141.997.382.135	146.206.121.273
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.463.115.352	2.559.097.413
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	15.290.343.792	8.569.464.424
140	Hàng tồn kho	7	67.320.089.309	132.805.895.698
141	Hàng tồn kho		67.320.089.309	132.805.895.698
150	Tài sản ngắn hạn khác		4.662.017.300	2.561.921.390
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		1.142.642.262	1.432.006.983
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ		3.519.375.038	1.129.914.407
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		406.603.281.078	423.622.740.362
210	Các khoản phải thu dài hạn		2.000.000.000	2.000.000.000
216	Phải thu dài hạn khác		2.000.000.000	2.000.000.000
220	Tài sản cố định		382.185.010.433	396.887.815.814
221	Tài sản cố định hữu hình	8	382.185.010.433	396.887.815.814
222	Nguyên giá		568.259.175.135	537.827.809.481
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(186.074.164.702)	(140.939.993.667)
240	Tài sản dở dang dài hạn		64.036.000	64.036.000
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		64.036.000	64.036.000
260	Tài sản dài hạn khác		22.354.234.645	24.670.888.548
261	Chi phí trả trước dài hạn	9	22.354.234.645	24.670.888.548
270	TỔNG TÀI SẢN		1.194.499.824.584	1.005.745.889.148

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(TIẾP THEO)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		413.967.920.624	484.635.945.487
310	Nợ ngắn hạn		413.967.920.624	484.635.945.487
311	Phải trả người bán ngắn hạn	10	35.180.542.470	76.335.318.426
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	118.926.912	97.303.617.000
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	15.701.023.539	897.461.257
314	Phải trả người lao động		25.039.499.350	18.382.909.060
315	Chi phí phải trả ngắn hạn		173.324.502	501.971.312
319	Phải trả ngắn hạn khác	13	250.320.219.375	50.231.511.360
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	73.873.608.377	238.526.995.470
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	13.560.776.099	2.456.161.602
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		780.531.903.960	521.109.943.661
410	Vốn chủ sở hữu		780.531.903.960	521.109.943.661
411	Vốn góp của chủ sở hữu	16,17	250.000.000.000	250.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		250.000.000.000	250.000.000.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	17	67.278.744.713	18.291.250.574
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	17	463.253.159.247	252.818.693.087
421a	- LNST chưa phân phối của các năm trước		-	46.431.773.113
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		463.253.159.247	206.386.919.974
440	TỔNG NGUỒN VỐN		1.194.499.824.584	1.005.745.889.148



Phạm Thị Thu Loan
Người lập



Phạm Thị Bích Phương
Kế toán trưởng



Đặng Tiến Đức
Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 20 tháng 02 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2022 VND	2021 VND
01	Doanh thu bán hàng	3.149.890.475.521	1.594.599.566.744
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng	3.149.890.475.521	1.594.599.566.744
11	Giá vốn hàng bán	(2.012.218.282.974)	(1.253.527.746.201)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng	1.137.672.192.547	341.071.820.543
21	Doanh thu hoạt động tài chính	67.529.516.537	19.507.041.549
22	Chi phí tài chính	(26.830.270.373)	(17.364.145.058)
23	- Trong đó: chi phí lãi vay	(2.942.013.043)	(4.595.068.759)
25	Chi phí bán hàng	(147.091.411.364)	(66.518.843.184)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(17.142.349.204)	(17.314.577.565)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.014.137.678.143	259.381.296.285
31	Thu nhập khác	1.404.745.341	1.999.212.548
32	Chi phí khác	(1.404.745.341)	(4.993.588.859)
40	Lỗ khác	-	(2.994.376.311)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.014.137.678.143	256.386.919.974
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(50.884.518.896)	-
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	963.253.159.247	256.386.919.974
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18(a) 36.341	9.702
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	18(b) 36.341	9.702



Phạm Thị Thu Loan
Người lập



Phạm Thị Bích Phương
Kế toán trưởng



Đặng Tiến Đức
Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 20 tháng 02 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.


CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM


Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.014.137.678.143	256.386.919.974
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	45.134.171.035	44.835.211.021
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.507.556.814	1.893.819.516
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(25.269.515.056)	(1.684.257.533)
06	Chi phí lãi vay	2.942.013.043	4.595.068.759
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	1.039.451.903.979	306.026.761.737
09	Giảm các khoản phải thu	5.584.820.122	161.603.708.266
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	65.485.806.389	(66.456.715.233)
11	Tăng các khoản phải trả	70.460.017.996	38.963.297.521
12	Giảm chi phí trả trước	2.606.018.624	706.441.669
14	Tiền lãi vay đã trả	(3.321.740.762)	(5.268.211.726)
15	Thuế TNDN đã nộp	(38.000.000.000)	-
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(2.726.584.451)	(2.372.508.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	1.139.540.241.897	433.202.774.234
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(30.431.365.654)	(2.996.444.963)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(608.000.000.000)	(240.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	295.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	12.321.636.134	5.505.579
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(331.109.729.520)	(242.990.939.384)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	469.866.812.064	719.191.431.714
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(634.474.594.098)	(837.488.518.014)
36	Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(490.000.000.000)	(24.429.187.750)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(654.607.782.034)	(142.726.274.050)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	153.822.730.343	47.485.560.800
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 49.420.648.588	1.936.075.677
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(79.783.313)	(987.889)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 203.163.595.618	49.420.648.588

Các thông tin liên quan tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày tại Thuyết minh 29.


Phạm Thị Thu Loan
Người lập


Phạm Thị Bích Phương
Kế toán trưởng


Đặng Tiến Đức
Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 20 tháng 02 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5300656602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp lần đầu vào ngày 13 tháng 1 năm 2014. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ 5) được cấp vào ngày 18 tháng 9 năm 2018.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCOM") với mã giao dịch cổ phiếu là PAT.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất phốt pho vàng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 218 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 218 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2.8 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.8 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên ba tháng, trái phiếu, thương phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Công ty thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đáo hạn.

2.9 Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Khấu hao của TSCĐ được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	14 – 16 năm
Máy móc, thiết bị	8 – 10 năm
Phương tiện vận tải	6 – 7 năm
Thiết bị văn phòng	10 năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.9 Tài sản cố định ("TSCĐ") (tiếp theo)

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau ngày hiệu lực của luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) hoặc không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được ghi nhận là chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chi phí giải phóng mặt bằng liên quan đến đất thuê được phân bổ tương ứng với thời hạn thuê đất.

2.11 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.12 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và các đối tượng khác.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.13 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.16 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của năm tài chính mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ như sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

2.17 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.18 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.19 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.20 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa của Công ty.

2.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.22 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.23 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan ("bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh"), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể ("bộ phận chia theo khu vực địa lý"). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

2.25 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về nợ phải trả, tài sản và việc trình bày các khoản nợ phải trả và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.9);
- Thuế TNDN (Thuyết minh 26); và
- Nợ tiềm tàng (Thuyết minh 32).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	14.666.109.575	1.684.257.533
Thuế xuất khẩu của hàng hóa chờ thông quan (*)	600.452.447	6.696.583.530
Khác	23.781.770	188.623.361
	<u>15.290.343.792</u>	<u>8.569.464.424</u>

(*) Khoản mục bao gồm thuế xuất khẩu đã trả liên quan đến bán hàng xuất khẩu đang trong quá trình thông quan và chưa ghi nhận doanh thu. Khoản mục này sẽ được hoàn lại khi Công ty hoàn tất việc giao hàng theo hợp đồng và ghi nhận doanh thu.

7 HÀNG TỒN KHO

	2022		2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	17.431.326.719	-	13.739.426.609	-
Công cụ, dụng cụ	842.254	-	2.917.650	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	27.349.545.829	-
Thành phẩm	49.887.920.336	-	91.714.005.610	-
	<u>67.320.089.309</u>	<u>-</u>	<u>132.805.895.698</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÓT PHO APATIT VIỆT NAM

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”) HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	298.622.691.576	210.735.379.932	27.965.018.354	504.719.619	537.827.809.481
Mua trong năm	1.673.152.371	25.887.842.913	2.870.370.370	-	30.431.365.654
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>300.295.843.947</u>	<u>236.623.222.845</u>	<u>30.835.388.724</u>	<u>504.719.619</u>	<u>568.259.175.135</u>
Giá trị khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	(58.881.888.622)	(65.950.313.519)	(15.918.432.158)	(189.359.368)	(140.939.993.667)
Khấu hao trong năm	(18.674.687.528)	(21.625.952.958)	(4.786.360.541)	(47.170.008)	(45.134.171.035)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>(77.556.576.150)</u>	<u>(87.576.266.477)</u>	<u>(20.704.792.699)</u>	<u>(236.529.376)</u>	<u>(186.074.164.702)</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	<u>239.740.802.954</u>	<u>144.785.066.413</u>	<u>12.046.586.196</u>	<u>315.360.251</u>	<u>396.887.815.814</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>222.739.267.797</u>	<u>149.046.956.368</u>	<u>10.130.596.025</u>	<u>268.190.243</u>	<u>382.185.010.433</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.630.478.182 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.362.869.091 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÓT PHO APATIT VIỆT NAM

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2022 VND	2021 VND
Chi phí giải phóng mặt bằng khu đất thuê (*)	19.261.926.484	20.889.694.919
Chi phí sửa chữa TSCĐ	3.073.110.611	3.720.953.224
Công cụ, dụng cụ	19.197.550	60.240.405
	<u>22.354.234.645</u>	<u>24.670.888.548</u>

(*) Đây là khoản chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng đất thuê, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 16 năm phù hợp với thời gian của hợp đồng thuê đất.

10 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba (*)	35.154.406.526	27.894.275.029
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	26.135.944	48.441.043.397
	<u>35.180.542.470</u>	<u>76.335.318.426</u>

(*) Chi tiết cho những nhà cung cấp bên thứ ba chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải trả người bán ngắn hạn như sau:

	2022 VND	2021 VND
Công ty CP dịch vụ năng lượng SBM	14.154.948.234	10.673.107.330
Công ty Dossa Chemicals Private Limited	11.117.030.400	-
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Bình Minh	4.147.680.000	3.830.790.000
	<u>29.419.658.634</u>	<u>14.503.897.330</u>

11 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba	118.926.912	97.303.617.000
	<u>118.926.912</u>	<u>97.303.617.000</u>

Chi tiết cho những khách hàng bên thứ ba chiếm từ 10% trở lên trong tổng người mua trả tiền trước ngắn hạn như sau:

	2022 VND	2021 VND
Công ty K.S. International	-	95.334.452.580
	<u>-</u>	<u>95.334.452.580</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	17.155.016.910	(17.155.016.910)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	473.142.170	(473.142.170)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	133.562.271.701	(133.562.271.701)	-
Thuế TNDN	-	50.884.518.896	(38.000.000.000)	12.884.518.896
Thuế TNCN	897.461.257	15.142.446.746	(13.223.403.360)	2.816.504.643
Thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	<u>897.461.257</u>	<u>217.220.396.423</u>	<u>(202.416.834.141)</u>	<u>15.701.023.539</u>

13 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2022 VND	2021 VND
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 30(b))	250.000.000.000	50.000.000.000
Khác	320.219.375	231.511.360
	<u>250.320.219.375</u>	<u>50.231.511.360</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

14 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở giao dịch					
• Vay ngắn hạn (i)	-	173.964.480.566	(100.045.267.130)	(45.605.059)	73.873.608.377
• Chiết khấu LC	39.782.633.640	-	(39.782.633.640)	-	-
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	198.744.361.830	241.570.575.178	(440.314.937.008)	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai	-	54.331.756.320	(54.331.756.320)	-	-
	<u>238.526.995.470</u>	<u>469.866.812.064</u>	<u>(634.474.594.098)</u>	<u>(45.605.059)</u>	<u>73.873.608.377</u>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

TT	Bên cho vay	Hạn mức và thời hạn tín dụng	Số dư cuối năm VND	Lãi suất năm	Mục đích vay	Tài sản thế chấp
i	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch	Hạn mức tín dụng là 90 tỷ Đồng hoặc ngoại tệ tương đương. Thời hạn vay không quá 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được giải ngân trong năm bằng USD.	73.873.608.377	3% – 3,7% /năm	Bổ sung vốn lưu động	- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty mẹ trị giá 21 tỷ Đồng; - Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn (công ty trong cùng tập đoàn) trị giá 75 tỷ Đồng.
		Tổng cộng	73.873.608.377			

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÓT PHO APATIT VIỆT NAM

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

15 QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	2.456.161.602	276.706.109
Trích lập trong năm (Thuyết minh 17)	13.831.198.948	4.551.963.493
Sử dụng quỹ trong năm	(2.726.584.451)	(2.372.508.000)
Số dư cuối năm	<u>13.560.776.099</u>	<u>2.456.161.602</u>

16 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2022 Cổ phiếu phổ thông	2021 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	<u>25.000.000</u>	<u>25.000.000</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>25.000.000</u>	<u>25.000.000</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>25.000.000</u>	<u>25.000.000</u>

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2022		2021	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	12.750.422	51,00	12.750.422	51,00
Ông Đào Hữu Duy Anh	2.258.333	9,03	2.258.333	9,03
Ông Đào Hữu Huyền	1.921.666	7,69	1.921.666	7,69
Các cổ đông khác	8.069.579	32,28	8.069.579	32,28
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>25.000.000</u>	<u>100</u>	<u>25.000.000</u>	<u>100</u>

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Giá trị cổ phiếu VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	<u>25.000.000</u>	<u>250.000.000.000</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>25.000.000</u>	<u>250.000.000.000</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>25.000.000</u>	<u>250.000.000.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

17 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	250.000.000.000	2.085.381.375	67.189.605.805	319.274.987.180
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	256.386.919.974	256.386.919.974
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	16.205.869.199	(16.205.869.199)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(4.551.963.493)	(4.551.963.493)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	(50.000.000.000)	(50.000.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	250.000.000.000	18.291.250.574	252.818.693.087	521.109.943.661
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	963.253.159.247	963.253.159.247
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	48.987.494.139	(48.987.494.139)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 15) (*)	-	-	(13.831.198.948)	(13.831.198.948)
Chia cổ tức bằng tiền (*)	-	-	(690.000.000.000)	(690.000.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	250.000.000.000	67.278.744.713	463.253.159.247	780.531.903.960

(*) Việc phân phối lợi nhuận trong năm được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 28 tháng 3 năm 2022, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/2022/NQ-HĐQT đề ngày 19 tháng 7 năm 2022 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/2022/NQ-HĐQT đề ngày 30 tháng 11 năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÓT PHO APATIT VIỆT NAM

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022****18 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU****a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi, chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, điều chỉnh cho cổ phiếu thường phát hành trong năm trừ đi cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	2022	2021
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông (VND)	963.253.159.247	256.386.919.974
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(54.737.951.954)	(13.831.198.948)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	908.515.207.294	242.555.721.026
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	25.000.000	25.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>36.341</u>	<u>9.702</u>

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2022 được tạm tính theo phương pháp trích lập của năm trước.

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu của Công ty bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu do Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính kết thúc cuối năm này.

19 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ là 246.566,89 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2.022.209,51 Đô la Mỹ).

20 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng hóa	116.128.243.982	109.828.559.541
Doanh thu bán thành phẩm	3.033.762.231.539	1.484.771.007.203
	<u>3.149.890.475.521</u>	<u>1.594.599.566.744</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÓT PHO APATIT VIỆT NAM

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2022 VND	2021 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	99.122.108.879	93.413.513.580
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.913.096.174.095	1.160.114.232.621
	<u>2.012.218.282.974</u>	<u>1.253.527.746.201</u>

22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền gửi	25.303.488.176	1.689.763.112
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	42.226.028.361	17.817.278.437
	<u>67.529.516.537</u>	<u>19.507.041.549</u>

23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2022 VND	2021 VND
Chi phí lãi vay	2.942.013.043	4.595.068.759
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	21.380.700.516	10.875.256.783
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	2.507.556.814	1.893.819.516
	<u>26.830.270.373</u>	<u>17.364.145.058</u>

24 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2022 VND	2021 VND
Chi phí vận chuyển	118.028.642.770	60.019.282.555
Chi phí hoa hồng	22.641.607.114	1.793.752.570
Khác	6.421.161.480	4.705.808.059
	<u>147.091.411.364</u>	<u>66.518.843.184</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	12.469.332.064	9.710.113.144
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.223.178.326	2.555.574.696
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.620.939.344	830.845.548
Khác	828.899.470	4.218.044.177
	<u>17.142.349.204</u>	<u>17.314.577.565</u>

26 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")

Số thuế tính trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông được trình bày như sau:

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.014.137.678.143	256.386.919.974
Thuế tính ở thuế suất 20%	202.827.535.629	51.277.383.995
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	710.539.954	456.491.001
Thuế được ưu đãi, miễn hoặc giảm (*)	(152.653.556.687)	(51.733.874.996)
Chi phí thuế TNDN (**)	<u>50.884.518.896</u>	<u>-</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	50.884.518.896	-
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN (**)	<u>50.884.518.896</u>	<u>-</u>

(*) Dự án sản xuất phốt pho vàng của Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án sản xuất phốt pho vàng đi vào hoạt động (từ năm 2018 đến năm 2032), được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2018 đến năm 2021) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (kể từ năm 2022 đến năm 2030).

(**) Chi phí thuế TNDN trong năm được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

27 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.245.264.085.721	694.654.745.035
Chi phí nhân viên	80.485.422.510	66.276.054.807
Chi phí khấu hao TSCĐ	45.134.171.035	44.835.211.021
Chi phí dịch vụ mua ngoài	630.599.910.735	514.370.378.852
Chi phí khác	6.670.713.559	7.795.139.533
	<u>2.008.154.303.560</u>	<u>1.327.931.529.248</u>

28 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm mà Công ty cung cấp. Do đó, báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận chính yếu (theo lĩnh vực kinh doanh)

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chỉ phát sinh doanh thu từ hoạt động bán thành phẩm phốt pho vàng. Theo đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÓT PHO APATIT VIỆT NAM

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai do Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai nắm giữ 51% vốn cổ phần của Công ty. Công ty mẹ cao nhất là Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang, một công ty được thành lập tại Việt Nam.

Các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các cá nhân có liên quan của các thành viên này	Thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	Công ty mẹ cao nhất
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	Công ty mẹ
Công ty TNHH Văn Minh	Bên liên quan khác

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm gồm:

	2022	2021
	VND	VND
i) Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang		
Mua hàng hóa và dịch vụ	22.798.100.576	21.542.372.850
ii) Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai		
Mua nguyên vật liệu, vật tư, hàng hóa	1.085.084.625.424	432.536.646.702
Mua tài sản cố định	21.225.452.768	-
Bán nguyên vật liệu, vật tư, thành phẩm	502.349.255.236	211.267.047.370
Chia cổ tức	351.911.647.200	25.500.844.000
Thanh toán công nợ phải trả người bán ngắn hạn bằng chuyển quyền sở hữu các khoản tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 29)	200.000.000.000	-
Khác	1.404.745.341	4.761.138.123
iii) Công ty TNHH Văn Minh		
Mua vật tư, hàng hóa	247.850.830	270.106.713
iv) Ông Đào Hữu Huyền		
Chia cổ tức	53.037.981.600	3.843.332.000
v) Ông Đào Hữu Duy Anh		
Chia cổ tức	62.329.990.800	4.516.666.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2022 VND	2021 VND
vi) Thu nhập của các nhân sự quản lý chủ chốt		
Ông Đào Hữu Huyền – Chủ tịch HĐQT	89.000.000	54.000.000
Ông Đào Hữu Duy Anh – Thành viên HĐQT	78.000.000	48.000.000
Ông Đặng Tiến Đức – Thành viên HĐQT/ Giám đốc	2.174.384.500	2.152.165.909
Ông Phạm Văn Hùng – Thành viên HĐQT	78.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Hùng Cường – Thành viên HĐQT/ Phó giám đốc	1.138.073.077	1.112.042.499
Bà Phạm Thị Bích Phương – Kế toán trưởng	1.655.464.827	807.522.544
Bà Phạm Thị Bích – Trưởng Ban Kiểm soát	66.000.000	36.000.000
Ông Trần Văn Cương – Thành viên Ban Kiểm soát	478.000.771	416.391.570
Ông Phó Đức Tùng – Thành viên Ban Kiểm soát	44.000.000	18.000.000
	<u>5.800.923.175</u>	<u>4.692.122.522</u>

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2022 VND	2021 VND
i) Phải thu ngắn hạn khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty TNHH MTV hóa chất Đức Giang Lào Cai	38.377.574.135	-
ii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 10)		
Công ty TNHH Văn Minh	26.135.944	16.850.003
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	-	48.167.366.489
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	-	256.826.905
	<u>26.135.944</u>	<u>48.441.043.397</u>
iii) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 13)		
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	127.504.220.000	25.500.844.000
Ông Đào Hữu Duy Anh	22.583.330.000	4.516.666.000
Ông Đào Hữu Huyền	19.216.660.000	3.843.332.000
Các cổ đông khác	80.695.790.000	16.139.158.000
	<u>250.000.000.000</u>	<u>50.000.000.000</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

31 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	Tiền thuê đất	
	2022 VND	2021 VND
Từ 1 đến 5 năm	2.955.216.922	820.979.093
Trên 5 năm	33.994.577.593	36.128.815.422
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	36.949.794.515	36.949.794.515

32 NỢ TIỀM TÀNG

Chi phí hoàn nguyên các khu đất thuê

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với tổng diện tích thuê là 183.655,5 m² tại tỉnh Lào Cai để xây dựng nhà máy sản xuất phốt pho vàng và đã thực hiện việc xây dựng công trình và hạ tầng trên khu đất thuê này. Các hợp đồng thuê đất này không có quy định về nghĩa vụ hoàn nguyên đối với khu đất thuê, do đó Ban Giám đốc của Công ty đánh giá là Công ty có thể có các nghĩa vụ hoàn nguyên trong tương lai liên quan đến việc tháo dỡ, di dời các tài sản của Công ty ra khỏi khu đất thuê và phục hồi khu đất về tình trạng ban đầu tại cuối thời hạn thuê đất, và nghĩa vụ này chỉ có thể xác định được rõ ràng khi có thêm các sự kiện trong tương lai, ví dụ như các trao đổi bổ sung với bên cho thuê đất hay khi cơ quan chức năng ban thành bổ sung các văn bản pháp luật làm rõ nghĩa vụ của bên đi thuê khi hợp đồng thuê đất không có điều khoản hoàn nguyên. Do đó, Công ty không ghi nhận khoản dự phòng chi phí hoàn nguyên vào báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 20 tháng 02 năm 2023.

 <hr/> Phạm Thị Thu Loan Người lập	 <hr/> Phạm Thị Bích Phương Kế toán trưởng	 <hr/> Đặng Tiến Đức Giám đốc Người đại diện theo pháp luật
---	---	--